

Số: 16/QĐ-THCSĐC

Đức Chính, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách,
thu – chi sự nghiệp khác quý IV năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỨC CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-PGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-PGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2023.

Căn cứ tình hình thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước, thu – chi sự nghiệp khác quý IV năm 2023 của trường THCS Đức Chính

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý IV năm 2023 của trường THCS Đức Chính (có theo biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- BGH, Tổ văn phòng (t/h);
- Lưu: KT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thu Thủy

Đơn vị: TRƯỜNG THCS ĐỨC CHÍNH
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 16 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCSĐC ngày 16/01/2024 của trường THCS Đức Chính)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-PGDĐT ngày 27 /12/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc giao dự toán ngân sách năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-PGDĐT ngày 14 /11/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn KP KTC) năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-PGDĐT ngày 24 /11/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn KP thực hiện nghị định 204/2023 NĐ-CP) năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-PGDĐT ngày 18 /12/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn KP KTC) năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-PGDĐT ngày 22 /12/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn KP KTC) năm 2023";

Trường THCS Đức Chính công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2023 như sau:

ĐV tính: Đồng

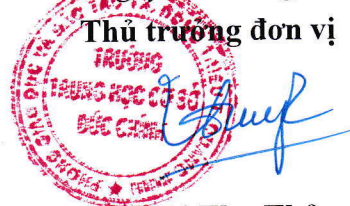
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý III năm 2023	Thực hiện Quý III/dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3*100	6 = Q2/2023/Q2//2022
*	Dư đầu quý III/2023 chuyển sang	0	204.618.700		
	Các nguồn thu được để lại	0	204.618.700		
A	Các khoản thu ngoài ngân sách NN		0	0	0

I	Tổng số thu	1.365.899.000	259.088.000	0	
1	Học phí	705.600.000		0,00	
2	Thu tiền học thêm các môn văn hóa	586.148.000	229.068.000	39	
3	Thu tiền trông giữ phương tiện giao thông	46.215.000	19.620.000	42	
4	Thu tiền nước uống	27.936.000	10.400.000	37	
II	Chi từ nguồn thu được để lại	348.516.698	348.516.698	100	
	Phí lệ phí	98.520.428	98.520.428	100	
	Chi tiền học thêm các môn văn hóa	221.238.320	221.238.320	100	
	Chi tiền trông giữ phương tiện giao thông	18.757.950	18.757.950	100	
	Chi tiền nước uống	10.000.000	10.000.000	100	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
IV	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối quý		115.190.002		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.784.177.656	2.655.414.085	95	
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.784.177.656	2.655.414.085	95	202
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.258.000.000	2.135.036.429	95	162
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>1.853.000.000</u>	<u>1.698.035.462</u>	92	340
	Mục 6000: Tiền lương	809.000.000	907.617.800	112	79
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-		0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	540.000.000	438.144.749	81	80
	Mục 6200: Tiền thưởng	10.000.000	9.720.000	97	108
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	4.000.000	2.915.000	73	292
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	480.000.000	330.090.713	69	100
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	10.000.000	9.547.200	95	195
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>300.000.000</u>	<u>418.615.467</u>	140	196
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	19.000.000	14.899.847	78	80
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	26.000.000	38.318.420	147	87
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20.000.000	15.661.000	78	60
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000		0	
	Mục 6700: Công tác phí	30.000.000	48.930.000	163	78
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	24.000.000	17.713.200	74	30
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	50.000.000	144.176.000	288	735
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50.000.000	26.390.000	53	0

	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	61.000.000	112.527.000	184	101
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000		0	
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>105.000.000</u>	<u>18.385.500</u>	18	44
	Mục 7750: Chi khác	105.000.000	18.385.500	18	18
14	Kinh phí tự chủ cải cách tiền lương nguồn 14	-	213.095.447		
	Mục 6000: Tiền lương	-	127.669.300		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	-	51.670.660		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	-	33.755.487		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	526.177.656	520.377.656	99	
1	Chi thanh toán cho cá nhân	60.491.400	60.491.400	100	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	35.291.400	35.291.400	100	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	25.200.000	25.200.000	100	
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	97.046.256	89.512.000	92	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	8.602.000	8.602.000	100	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	16.767.000	20.767.000	124	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	39.843.000	39.843.000		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	31.834.256	20.300.000		
3	<u>Các khoản chi khác</u>	368.640.000	370.374.256	100	
	Mục 7750: Chi khác	368.640.000	370.374.256	100	

Đông Triều, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Thị Thu Thủy